BẢN MẪU – dữ liệu giả

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ VỀ SẢN PHẨM

(Dành cho chủ thể có sản phẩm đăng ký)

Phần I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên chủ thể: Hợp tác xã Mẫu

2. Loại hình tổ chức: Hợp tác xã

3. Địa chỉ: Thôn Mẫu, xã Mẫu

4. Điện thoại/Email: 0900 000 000

5. Tên người đại diện pháp luật: Nguyễn Thị Mẫu; Giới tính: .....; Dân tộc: .....; Địa chỉ thường trú: .....

6. Ngày thành lập/đăng ký kinh doanh; Số giấy đăng ký: MẪU-001

7. Tên sản phẩm/dịch vụ, mô tả quy cách, tiêu chuẩn: Mứt gừng Mẫu .....

Đánh dấu (x) vào mục tương ứng:

[ ] a) Giấy đăng ký kinh doanh

[ ] b) Đã công bố chất lượng sản phẩm theo quy định

[ ] c) Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm / điều kiện sản xuất bắt buộc

[ ] d) Đăng ký sở hữu trí tuệ (nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, sáng chế, kiểu dáng, bản quyền, khác)

8. Lịch sử hình thành của chủ thể: .....

9. Cơ cấu tổ chức của chủ thể: .....

Phần II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT KINH DOANH

(Trình bày: tổ chức vùng nguyên liệu, công nghệ sản xuất, sơ chế, chế biến, đóng gói; thay đổi về chất lượng, tiêu chuẩn, bao bì, nhãn; thị trường phân phối; kết quả sản xuất kinh doanh: doanh thu, lợi nhuận.)

.....

.....

.....

.....

.....

Phần III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN THEO BỘ TIÊU CHÍ SẢN PHẨM OCOP

Tự đánh giá theo phiếu Chế biến từ rau, củ, quả, hạt. Tổng điểm tự đánh giá: 65/100 (A 32, B 12, C 21).

Mã · Tiêu chí	Tự đánh giá · Điểm · Minh chứng kèm theo
1. Tổ chức sản xuất	
1.1. Nguồn nguyên liệu (tối đa 3)	Trong tỉnh từ 75% đến 100% – 3 điểm Minh chứng: Hợp đồng, hoá đơn, xác nhận nguồn gốc nguyên liệu
1.2. Vùng nguyên liệu có chứng nhận chất lượng (tối đa 2)	Tiêu chuẩn quốc gia (VietGAP, hữu cơ...) – 1 điểm Minh chứng: Giấy chứng nhận VietGAP/hữu cơ/GlobalGAP
1.3. Gia tăng giá trị (tối đa 3)	Chế biến sâu từ vùng nguyên liệu địa phương – 3 điểm Minh chứng: Mô tả quy trình, ảnh dây chuyền
1.4. Năng lực sản xuất so với quy mô trung bình địa phương (tối đa 3)	Lớn – 3 điểm Minh chứng: Số liệu sản lượng, công suất
1.5. Liên kết chuỗi (tối đa 3)	Liên kết trên 75% – 2 điểm Minh chứng: Hợp đồng liên kết, thanh lý, hoá đơn
1.6. Bảo vệ môi trường (tối đa 3)	Thêm minh chứng công trình thu gom, xử lý chất thải – 2 điểm Minh chứng: Hồ sơ môi trường, ảnh công trình xử lý
1.7. Công nghệ theo hướng bền vững (tối đa 1)	Có (tiết kiệm nguyên, nhiên liệu; tái chế phụ phẩm...) – 1 điểm Minh chứng: Mô tả, ảnh công nghệ
2. Phát triển sản phẩm	
2.1. Nguồn gốc ý tưởng sản phẩm (tối đa 3)	Đặc trưng của tỉnh, hoặc sản phẩm mới từ nguyên liệu đặc trưng – 2 điểm Minh chứng: Tư liệu nguồn gốc, lịch sử sản phẩm
2.2. Đóng gói, bao bì (tối đa 3)	Sáng tạo, đẹp – 2 điểm Minh chứng: Mẫu bao bì
2.3. Phong cách, ghi nhãn (tối đa 3)	Thêm thông điệp câu chuyện sản phẩm – 2 điểm Minh chứng: Nhãn, tem truy xuất
2.4. Nhãn song ngữ (tối đa 1)	Có (Việt – Anh hoặc ngôn ngữ khác) – 1 điểm Minh chứng: Nhãn
3. Sức mạnh cộng đồng	
3.1. Loại hình tổ chức sản xuất (tối đa 3)	Hợp tác xã đúng luật, hoặc công ty cổ phần có vốn góp cộng đồng địa phương từ 51% – 3 điểm Minh chứng: Giấy đăng ký kinh doanh
3.2. Người đại diện pháp luật là nữ, người dân tộc thiểu số hoặc người khuyết tật (tối đa 1)	Có – 1 điểm Minh chứng: Giấy tờ người đại diện
3.3. Sử dụng lao động địa phương cấp xã (tối đa 3)	Từ 75% trở lên – 3 điểm Minh chứng: Danh sách lao động đóng bảo hiểm, nơi thường trú
3.4. Tăng trưởng sản xuất kinh doanh (tối đa 2)	HTX xếp loại trung bình, hoặc lợi nhuận năm liền trước tăng – 1 điểm Minh chứng: Báo cáo tài chính 2 năm gần nhất

3.5. Sở hữu trí tuệ (tối đa 3)	Có giấy chứng nhận nhãn hiệu, dùng dấu hiệu chỉ dẫn nguồn gốc – 2 điểm Minh chứng: Văn bằng sở hữu trí tuệ
4. Tiếp thị	
4.1. Khu vực phân phối chính (tối đa 5)	Ngoài xã, từ 5 đại lý – 3 điểm Minh chứng: Hợp đồng phân phối, đại lý
4.2. Tổ chức phân phối (tối đa 3)	Có người phụ trách – 1 điểm Minh chứng: Quyết định phân công, phần mềm
4.3. Quảng bá sản phẩm (tối đa 5)	Trên 3 hoạt động, có web/mạng xã hội, hội chợ trong tỉnh – 2 điểm Minh chứng: Ảnh hội chợ, link web, trang mạng xã hội
5. Câu chuyện sản phẩm	
5.1. Câu chuyện sản phẩm (tối đa 5)	Có tư liệu và tờ rơi – 2 điểm Minh chứng: Tờ rơi, clip, trang web
5.2. Cấu trúc câu chuyện (chỉ chấm khi có câu chuyện) (tối đa 2)	Ngắn gọn, xúc tích – 1 điểm Minh chứng: Bản câu chuyện
5.3. Trí tuệ, bản sắc địa phương trong câu chuyện (tối đa 5)	Mang sắc thái văn hoá, giá trị đặc trưng – 3 điểm Minh chứng: Bản câu chuyện
6. Chất lượng cảm quan	
6.1. Tạp chất (tối đa 2)	Sạch – 2 điểm Minh chứng: Sản phẩm mẫu
6.2. Hình dạng, thể chất (tối đa 2)	Đồng đều (trên 90%) – 2 điểm Minh chứng: Sản phẩm mẫu
6.3. Màu sắc (tối đa 3)	Phù hợp – 2 điểm Minh chứng: Sản phẩm mẫu
6.4. Mùi (tối đa 3)	Tự nhiên – 2 điểm Minh chứng: Sản phẩm mẫu
6.5. Vị (tối đa 5)	Phù hợp đặc trưng – 3 điểm Minh chứng: Sản phẩm mẫu
7. Tính độc đáo	
7. Tính độc đáo (tối đa 5)	Độc đáo, đặc trưng – 3 điểm Minh chứng: Mô tả điểm khác biệt
8. Công bố chất lượng	
8. Công bố chất lượng (tối đa 5)	Công bố đúng quy định (QCVN nếu có) và áp dụng TCVN – 4 điểm Minh chứng: Hồ sơ công bố, phiếu kiểm nghiệm
9. Đảm bảo chất lượng	
9. Đảm bảo chất lượng (tối đa 5)	Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP – 1 điểm Minh chứng: Giấy chứng nhận ATTP, ISO/HACCP
10. Hướng dẫn sử dụng	
10. Hướng dẫn sử dụng (tối đa 2)	Đơn giản – 1 điểm Minh chứng: Nhãn, tờ hướng dẫn
11. Cơ hội thị trường toàn cầu	

11. Cơ hội thị trường toàn cầu (tối đa 3)	Có thể xuất khẩu Đông Nam Á – 1 điểm Minh chứng: Hợp đồng, đánh giá thị trường

Phần IV. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT, KINH DOANH

(Định hướng, kế hoạch phát triển sản phẩm, tổ chức sản xuất, thị trường.)

.....

.....

.....

.....

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CƠ SỞ

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Thị Mẫu